TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2024/HS-ST
Ngày : 10/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Minh Phượng

2/ Ông Nguyễn Tấn Nghiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Tân Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2024/HSST ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

PHẠM THÁI M1; sinh ngày 14 tháng 06 năm 1986 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú: Số C lô U, cư xá T, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số C lô U, cư xá T, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn B và bà: Hoàng Thì V (đã chết); vợ: Võ Thị Phúc H, con: 03 người (lần lượt sinh năm 2016, 2019 và 2020); tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 483/2004/HSST ngày 07/7/2004 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tuyên phạt 4 năm 6 tháng tù về tội cướp tài sản; Bị tạm giữ ngày 19/10/2023, tạm giam: từ ngày 28/10/2023 đến ngày 22/01/2024 Viện kiểm sát thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

NGUYỄN VĂN K1; sinh ngày 30 tháng 9 năm 1984 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư

trú: 2108/6/3 H, ấp C, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K và bà: Lê Thị D vợ: Lê Nguyễn Hoàng O (không đăng ký kết hôn), con: 03 người (lần lượt sinh năm 2012, 2014 và 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị tạm giữ ngày 19/10/2023, tạm giam: từ ngày 28/10/2023 đến ngày 31/01/2024 Viện kiểm sát thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

LÊ NGUYỄN HOÀNG O; sinh ngày 06 tháng 10 năm 1983 tại Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: Tổ B, ấp V, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: 2108/6/3 H, ấp C, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Hữu H1 và bà: Nguyễn Thị Y (đã chết); chồng: Nguyễn Văn K1 (không đăng ký kết hôn), con: 03 người (lần lượt sinh năm 2007, 2014, 2018 – con chung với Nguyễn Văn K1); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam: Không (có mặt).

TRẦN THỊ T; sinh ngày 10 tháng 02 năm 1995 tại Cà Mau; nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Thanh H2 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị N; chồng: Bùi Văn S (đã ly thân), con: 02 người (lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020); tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị tạm giữ ngày 19/10/2023, tạm giam: từ ngày 28/10/2023 đến ngày 16/01/2024 Viện kiểm sát thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đoàn Thị Ái M, địa chỉ: A P, phường P, quận H, Thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/9/2023, Đoàn Thị Ái M làm đơn tố giác Phạm Thái M1 có hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Ngày 21/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H chuyển nguồn tin về tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T thụ lý theo thẩm quyền. Quá trình điều tra xác định:

Do có nhu cầu vay tiền để kinh doanh, thông qua quan hệ xã hội, Đoàn Thị Ái M biết Phạm Thái M1, Trần Thị T, Nguyễn Văn K1 và Lê Nguyễn

Hoàng O cho vay tiền lấy lãi nặng trong giao dịch dân sự nên đã vay tiền cụ thể như sau:

- *Đối với khoản vay của Phạm Thái M1:*

+ Ngày 24/5/2022, Ái M vay số tiền 40.000.000 đồng, mỗi ngày trả trước 17 giờ số tiền góp cả gốc và lãi là 3.000.000 đồng, thời gian trả góp trong 19 ngày liên tiếp, không lấy trước tiền góp, thu tiền phí 1.000.000 đồng và không thế chấp tài sản để bảo đảm. Tổng số tiền Ái M phải trả gốc và lãi là 57.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 17.000.000 đồng, tương đương lãi suất 805%/01 năm, cao gấp 40 lần so với quy định pháp luật quy định. Sau khi trừ 422.222 đồng tiền lãi theo quy định pháp luật là 20%/01 năm thì Thái M1 đã thu lợi bất chính số tiền 17.577.778 đồng.

Ngày 27/5/2022, Thái M1 sử dụng tài khoản số: 060121261386 mở tại ngân hàng TMCP S1 của mình chuyển 36.000.000 đồng vào tài khoản số 19035972714010 mở tại ngân hàng TMCP K3 (viết tắt là T1) của Ái M để cho vay như đã thỏa thuận. Từ ngày 24/5/2022 đến ngày 06/6/2022, mỗi ngày Ái M đã sử dụng tài khoản số 060121261386 chuyển tiền vào tài khoản số 060121261386 để trả góp cho Thái M1, đến ngày 06/6/2022 Ái M góp được 14 ngày để được đáo hạn vay lại dây khác thì Ái M trả thêm 05 ngày còn lại để tất toán khoản vay này.

+ Ngày 07/6/2022, Ái M vay số tiền 60.000.000 đồng, trả góp trong 19 ngày liên tiếp, mỗi ngày trả góp cả gốc và lãi là 4.000.000 đồng, thu phí dịch vụ là 2.000.000 đồng và đóng trước 01 ngày đầu. Tổng số tiền Ái M phải trả cho Thái M1 cả gốc và lãi là 76.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 16.000.000 đồng, tương đương lãi suất 505%/01 năm, cao gấp 25 lần so với pháp luật quy định. Tổng số tiền thu lợi bất chính của khoản vay này là 17.366.667 đồng (gồm 16.000.000 đồng lãi vay + 2.000.000 đồng phí dịch vụ - 633.333 đồng lãi vay hợp pháp theo quy định pháp luật 20%/năm = 17.366.667 đồng).

Ngày 07/6/2022, Thái M1 đã chuyển số tiền còn lại 43.000.000 đồng (60.000.000 đồng – 15.000.000 đồng (05 ngày trả góp của khoản vay trên) – 2.000.000 đồng phí = 43.000.000 đồng) từ tài khoản số 060121261386 vào tài khoản số 19035972714010 của Ái M để cho vay. Ái M đã trả góp mỗi ngày như đã thỏa thuận. Với cách thức tương tự, Thái M1 đã cho Ái M vay và đáo hạn thêm 09 lần cũng với khoản vay 60.000.000 đồng, trả góp trong 19 ngày liên tiếp, mỗi ngày trả góp 4.000.000 đồng, thu phí dịch vụ là 2.000.000 đồng và đóng trước 01 ngày đầu vào các ngày 17/6/2022, 20/6/2022, 27/6/2022, 5/7/2022, 12/7/2022, 20/7/2022, 25/7/2022, 1/8/2023 và 8/8/2022.

Tổng cộng từ ngày 07/6/2022 đến ngày 8/8/2022, Thái M1 đã cho Ái M vay và đáo hạn 10 lần số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 505%/01 năm và thu lợi bất chính tổng số tiền 170.366.667 đồng.

+ Ngày 30/6/2022, Ái M vay của Thái M1 số tiền 80.000.000 đồng, trả góp trong 19 ngày liên tiếp, mỗi ngày trả góp cả gốc và lãi là 5.500.000 đồng, không thu phí dịch vụ và đóng trước 01 ngày đầu. Tổng số tiền Ái M phải trả cả lãi và gốc là 104.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 24.500.00 đồng, tương đương lãi suất 580%/01 năm, cao gấp 29 lần so với pháp luật quy định. Tổng số tiền thu lợi bất chính của khoản vay này là 23.655.556 đồng. Sau khi đã khấu trừ, Thái M1 chuyển số tiền còn lại 74.500.000 đồng vào tài khoản 19035972714010 của Ái M để cho vay và nhận lãi như đã thỏa thuận. Với cách thức tương tự, Thái M1 đã cho Ái M vay và đáo hạn thêm 05 lần cũng với số tiền 80.000.000 đồng, trả góp trong 19 ngày liên tiếp, mỗi ngày trả góp cả gốc và lãi là 5.500.000 đồng, không thu phí dịch vụ và đóng trước 01 ngày đầu vào các ngày 07/07/2022, 14/07/2022, 25/07/2022, 01/8/2023 và 08/8/2022.

Tổng cộng từ ngày 30/6/2022 đến ngày 08/8/2022, Thái M1 đã cho Ái M vay và đáo hạn 06 lần số tiền 80.000.000 đồng với lãi suất 580%/01 năm và thu lợi bất chính tổng số tiền 141.933.336 đồng.

Do không có tiền trả nợ các khoản vay trước đó, ngày 13/7/2022 Ái M tiếp tục vay của Thái M1 số tiền 50.000.000 đồng, trả góp trong 12 ngày liên tiếp, mỗi ngày trả góp 5.000.000 đồng, phí dịch vụ 2.500.000 đồng và đóng trước 01 ngày đầu. Tổng số tiền phải trả cả gốc và lãi là 60.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 10.000.000 đồng, tương đương 600%/01 năm, cao gấp 30 lần so với pháp luật quy định. Sau khi đã trừ lãi suất cho vay theo đúng quy định pháp luật (20%/01 năm) là 333.333 đồng, Thái M1 thu lợi bất chính của khoản vay này là 12.166.667 đồng (bao gồm phí dịch vụ 2.500.000 đồng). Sau đó, Thái M1 đã trừ các khoản như thỏa thuận, còn lại 40.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 19035972714010 của Ái M để cho vay và nhận tiền như thỏa thuận. Với cách thức tương tự, Thái M1 đã cho Ái M vay và đáo hạn thêm 03 lần cũng với số tiền 50.000.000 đồng, trả góp trong 12 ngày liên tiếp, mỗi ngày trả góp 5.000.000 đồng, phí dịch vụ 2.500.000 đồng và đóng trước 01 ngày đầu vào các ngày 20/07/2022, 01/8/2023 và 08/8/2022. Tổng cộng từ ngày 13/7/2022 đến ngày 08/8/2022, Thái M1 đã cho Ái M vay và đáo hạn 04 lần số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 580%/01 năm và thu lợi bất chính tổng số tiền 48.666.668 đồng. Ái Minh đang nợ chưa trả 190.000.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 24/5/2022 đến ngày 08/8/2022, Thái M1 đã cho Ái M vay và đáo hạn 21 lần tổng số tiền 1.320.000.000 đồng với lãi suất từ 505%/01 năm đến 805%/01 năm và thu lợi bất chính tổng số tiền 381.844.444 đồng. (có bảng kê kèm theo).

- Đối với việc cho vay lãi nặng của Lê Nguyễn Hoàng O:

Đối với hình thức vay tiền trả lãi đứng (tiền gốc trả sau), từ ngày 12/4/2022 đến ngày 18/7/2022, O đã cho Ái M vay tổng cộng 09 dây (gồm 06 dây vay 50.000.000 đồng, 02 dây vay 100.000.000 đồng và 01 dây vay

150.000.000 đồng), Ái M trả lãi hàng tuần là 5.000.000 đồng, 10.000.000 đồng và 15.000.000 đồng tương ứng với số tiền vay của mỗi dây, không thu phí dịch vụ, tương đương lãi suất 514,29%/01 năm, cao gấp 178,57 lần so với pháp luật quy định, O đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 228.712.000 đồng (có bảng kê kèm theo).

Đối với hình thức vay tiền trả góp cả gốc và lãi, từ ngày 02/6/2022 đến 18/07/2022, O đã cho chị Ái M vay tổng cộng 07 dây với số tiền mỗi dây 100.000.000 đồng, mỗi dây Ái M trả góp 12 ngày, mỗi ngày góp cả gốc và lãi 10.000.000 đồng, không thu phí dịch vụ, tương đương lãi suất 600%/1 năm, cao gấp 30 lần so với pháp luật quy định, O đã thu lợi bất chính tổng số tiền 128.888.889 đồng (có bảng kê kèm theo).

Như vậy, Lê Nguyễn Hoàng O đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 357.600.889 đồng từ 02 hình thức cho vay nêu trên. Nguồn gốc tiền O cho Ái M vay là do Nguyễn Văn K1 (sống chung như vợ chồng với O) chuyển tổng số tiền 250.000.000 đồng để O cho Ái M vay.

- Đối với khoản vay của Nguyễn Văn K1:

Ngoài việc chuyển tổng số tiền 250.000.000 đồng để Lê Nguyễn Hoàng O cho Ái M vay lãi nặng như trên, từ ngày 25/7/2022 đến ngày 08/8/2023 K1 đã cho Ái M vay trả góp gốc và lãi 08 dây (gồm 01 dây cho vay 50.000.000 đồng, 04 dây cho vay 100.000.000 đồng và 03 dây cho vay 150.000.000 đồng), mỗi dây Ái M trả góp 12 ngày, mỗi ngày góp cả gốc và lãi là 5.000.000 đồng, 10.000.000 đồng và 15.000.000 đồng tương ứng với số tiền vay của từng dây, không thu phí dịch vụ, tương đương lãi suất 600%/1 năm, cao gấp 30 lần so với pháp luật quy định, K1 đã thu lợi bất chính tổng số tiền 128.083.333 đồng.

- Đối với khoản vay của Trần Thị T:

Từ ngày 23/5/2022 đến 02/8/2022, T đã cho Ái M vay tổng cộng 30 dây với số tiền mỗi dây từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, mỗi dây cho vay Ái Minh trả góp 12 ngày, không thu phí dịch vụ, T lấy lãi ngày đầu 10% so với vốn cho vay, lãi suất 1,67%/1 ngày, tương đương 600%/1 năm, cao gấp 30 lần so với pháp luật quy định. Với cách thức vay này, Ái M vay các dây sau để tất toán cho các dây trước khi đến kỳ thanh toán. Trong quá trình thanh toán chuyển tiền cho vay và trả tiền vay, T sử dụng tài khoản Ngân hàng V số 0621000406296 của T để nhận và chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng T2 số 19035972714010 của Á. Đồng thời, T sử dụng ứng dụng Zalo với số thuê bao 096548689 để nhắn tin trao đổi với Ái M qua số thuê bao 0916765569 để thỏa thuận cách thức vay tiền, lãi suất, thời gian và cách thức thanh toán với nhau. Với 30 dây cho vay và cách thức vay nêu trên, từ ngày 23/5/2022 đến 13/8/2022, T cho Ái M vay tổng cộng số tiền 4.100.000.000 đồng, thu lợi bất chính với số tiền 792.666.667 đồng (có bản kê kèm theo).

Đối với hình thức vay tiền trả lãi đứng, từ ngày 23/5/2022 đến 02/8/2022 T cho Ái M vay tổng cộng 05 dây với số tiền mỗi dây từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, mỗi dây cho Ái M trả vay góp hàng ngày, không thu phí dịch vụ, lãi suất dao động từ 10%/1 ngày đến 30%/1 ngày, tương đương từ 216%/01 năm đến 10.800%/01 năm, cao gấp từ 107,14 lần đến 535,71 lần so với pháp luật quy định. Với cách thức vay này, Ái M phải vay các dây sau để tất toán cho các dây trước khi đến kỳ thanh toán và vẫn sử dụng tài khoản ngân hàng nêu trên trong quá trình giao dịch. Với 5 dây cho vay và cách thức vay nêu trên, T cho Ái M vay tổng số tiền 650.000.000 đồng, thu lợi bất chính với số tiền 129.552.000 đồng. (có bản kê kèm theo).

Như vậy, Trần Thị T thu lợi bất chính tổng số tiền là 922.218.667 đồng từ 02 hình thức cho vay nêu trên. Sau ngày 13/8/2022, khi thấy Ái M không còn khả năng thanh toán thì T không cho Ái M góp nữa. Bùi Văn S (chồng T đã ly thân) gọi điện thoại cho Ái M đòi tiền. Sau đó, Ái M tự trả tiền tất toán hết các khoản vay nêu trên theo thỏa thuận.

Vật chứng thu giữ:

- Tạm giữ của Phạm Thái M1:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone XR, số IMEI: 353053104484664;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, số IMEI 1:359213075234910 cùng sim số thuê bao 0939020123;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, số IMEI:353039092572255, đã qua sử dụng;

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1190, số seri 1: 357345087120943 cùng sim số thuê bao 0901638432. Tất cả tình trạng đều đã sử dụng.

Kết quả kiểm tra điện thoại di động hiệu Iphone XR và điện thoại di động hiệu Iphone 7 không có lưu trữ dữ liệu liên quan đến vụ án và M1 khai không có sử dụng 02 điện thoại này để liên lạc cho vay lãi nặng.

Kết quả kiểm tra điện thoại di động hiệu Iphone X, số IMEI: 353039092572255, đã qua sử dụng và điện thoại di động hiệu Nokia RM-1190, số seri l 357345087120943 cùng sim số thuê bao 0901638432 thu được dữ liệu liên quan đến vụ án và M1 khai đã sử dụng 02 điện thoại này để trao đổi việc cho vay lãi nặng nêu trên.

- Nhập kho vật chứng:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, số IMEI: 353039092572255 - tình trạng đã qua sử dụng của Phạm Thái M1 ;

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1190, số seri 1: 357345087120943 cùng sim số thuê bao 0901638432 – tình trạng đã qua sử dụng của Phạm Thái M1 ;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, số sêri G6TXP0YKKPH5, – tình trạng đã qua sử dụng của Nguyễn Văn K1.

Tại phiên tòa:

- Trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình nêu tóm tắt nội dung vụ án, các nguyên nhân điều kiện phát sinh tội phạm, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân, hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, phải nuôi con nhỏ và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo như sau:

Phạm Thái M1 mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù đề nghị cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm và hình phạt bổ sung là 60.000.000 – 70.000.000 đồng;

Trần Thị T mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù đề nghị cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm và hình phạt bổ sung là 60.000.000 – 70.000.000 đồng;

Lê Nguyễn Hoàng O mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù đề nghị cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm và hình phạt bổ sung là 40.000.000 – 50.000.000 đồng;

Nguyễn Văn K1 mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù đề nghị cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm và hình phạt bổ sung là 40.000.000 – 50.000.000 đồng;

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, không có tranh luận gì với Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo có điều kiện được sửa chữa sai lầm và có cơ hội chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo theo các tài liệu, chứng cứ được Công an quận T lập, thì việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T ra quyết định tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với các bị cáo Phạm Thái M1, Nguyễn Văn K1, Trần Thị T; riêng bị cáo Lê Nguyễn Hoàng O bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú về hành vi "Cho vay lãi

nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, thẩm tra các tài liệu, chứng cứ, luận tội, tranh tụng; nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua việc thẩm tra các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo thì hành vi cho vay tiền với lãi suất cao, cụ thể: Bị cáo Phạm Thái M1, từ ngày 24/5/2022 đến ngày 08/8/2022, M1 đã cho Đoàn Thị Ái M vay và đáo hạn 21 lần tổng số tiền 1.320.000.000 đồng với lãi suất từ 505%/01 năm đến 805%/01 năm và thu lợi bất chính tổng số tiền 381.844.444 đồng; Bị cáo Lê Nguyễn Hoàng O, từ ngày 12/4/2022 đến ngày 18/7/2022 đã cho Đoàn Thị Ái M vay tiền với lãi suất từ 514,29%/01 năm đến 600%/1 năm và thu lợi bất chính tổng số tiền là 357.600.889 đồng; Bị cáo Nguyễn Văn K1, từ ngày 25/7/2022 đến ngày 08/8/2023 đã cho Đoàn Thị Ái M vay tiền tương đương lãi suất 600%/1 năm và thu lợi bất chính tổng số tiền 128.083.333 đồng và bị cáo Trần Thị T, từ ngày 23/5/2022 đến ngày 02/8/2022 đã cho Đoàn Thị Ái M vay tiền nhiều lần tương đương lãi suất 216%/01 năm đến 10.800%/01 năm và thu lợi bất chính tổng số tiền là 922.218.667 đồng. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 đã trực tiếp xâm phạm hoạt động tài chính, bị pháp luật nghiêm cấm. Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân. Bản thân các bị cáo là người trên 18 tuổi, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật, có năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội do lỗi cố ý. Đồng thời qua phần phân tích, đánh giá, nhận định của đại diện Viện kiểm sát

trong phần luận tội, nhận thấy những căn cứ Viện kiểm sát viện dẫn làm cơ sở chứng minh hành vi phạm tội để đề nghị truy tố, xử phạt bị cáo như đã nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xét thấy cần phải áp dụng hình phạt phù hợp nhằm mục đích giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy 03 bị cáo O, T và K1 có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; các bị cáo M1, O, T và K1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đều là lao động chính trong gia đình và có nơi cư trú rõ ràng; riêng bị cáo M1 có người thân là liệt sĩ – gia đình có công với cách mạng và là lao động chính đang nuôi con 03 nhỏ (2016; 2019 và 2020) – có xác nhận của chính quyền địa phương; tại thời điểm phạm tội bị cáo T đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; bị cáo O là mẹ đơn thân đang nuôi 03 con (lớn sinh năm 2003, 2007 và 2018 – có xác nhận của chính quyền địa phương và bị cáo K1 là lao động chính đang nuôi 02 con sinh năm 2012; 2014 (do vợ đã ly hôn đang chấp hành án) và con sinh năm 2018 (con chung với bị cáo O) – có xác nhận của chính quyền địa phương.

Mặt khác, trong quá trình điều tra, riêng bị cáo O (thời điểm công an lập hồ sơ khởi tố vụ án bị can đang mang thai (có xác nhận của bệnh viện), đến giai đoạn xét xử Hội đồng xét xử có tạm ngừng phiên tòa và yêu cầu bị cáo O cung cấp giấy khám sức khỏe thể hiện bị cáo không còn mang thai - có xác nhận của bệnh viện) - bị cáo có xác nhận của chính quyền địa phương là mẹ đơn thân đang nuôi con nhỏ; còn lại, bị cáo M đã bị bắt tạm giữ từ ngày 19/10/2023 và bị tạm giam từ ngày 28/10/2023 đến ngày 22/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo K1 đã bị bắt tạm giữ từ ngày 19/10/2023 và bị tạm giam từ ngày 28/10/2023 đến ngày 31/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú và bị cáo T đã bị bắt tạm giữ từ ngày 19/10/2023 và bị tạm giam từ ngày 28/10/2023 đến ngày 16/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Nhận thấy thời gian tạm giữ, tạm giam của các bị cáo cũng đã đủ tính răn đe, giáo dục. Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, các con của bị cáo còn nhỏ, cần có sự chăm sóc, giáo dục nên không cần thiết phải buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù giam cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội lao động cải tạo chăm lo cho gia đình, con cái như ý kiến đề xuất của Viện Kiểm sát là phù hợp.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: tất cả các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo K1, O, T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo M có gia đình người thân có công với cách mạng; bị cáo T đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi thuộc trường

hợp quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử cân nhắc thêm tình tiết các bị cáo có đơn xin tự nguyện khắc phục hậu quả là đã tự nguyện xin nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi hợp pháp trước khi cân nhắc quyết định hình phạt.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trần Thị T 11 lần thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng, thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Phạm Thái M1, Lê Nguyễn Hoàng O, Nguyễn Văn K1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về vật chứng vụ án: Sung vào công quỹ nhà nước đối với:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, số IMEI: 353039092572255 - tình trạng đã qua sử dụng của Phạm Thái M1;

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1190, số seri 1: 357345087120943 cùng sim số thuê bao 0901638432 – tình trạng đã qua sử dụng của Phạm Thái M1;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, số sêri G6TXP0YKKPH5, – tình trạng đã qua sử dụng của Nguyễn Văn K1.

[5] Về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm:

[5.1]. Bị cáo Phạm Thái M1

- Đối với khoản tiền bị cáo dùng để cho vay là số tiền 1.320.000.000 đồng, người vay Ái M còn nợ của bị cáo 190.000.000 đồng. Đây là số tiền dùng vào việc phạm tội nên buộc bị cáo M1 có nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 1.320.000.000 đồng – 190.000.000 đồng = 1.130.000.000 đồng; buộc bà Ái M có nghĩa vụ nộp 190.000.000 đồng (tiền nợ chưa trả cho bị cáo) vào ngân sách nhà nước.

- Đối với tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm, là 13,155,556 (Mười ba triệu một trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi sáu) đồng là tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu đối với bị cáo để sung ngân sách Nhà nước - số tiền này bị cáo đã tự nguyện nộp theo Đơn tự nguyện khắc phục hậu quả ngày 26/02/2024 và bị cáo đã nộp xong số tiền 13,155,556 (Mười ba triệu một trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi sáu) đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001407 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình

- Đối với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu cụ thể là số tiền 381.844.444 đồng là khoản lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm, bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho bà Ái M.

[5.2]. Bị cáo Nguyễn Văn K1:

- Đối với khoản tiền bị cáo dùng để cho vay là số tiền 900.000.000 đồng, người vay Ái M còn nợ **của bị cáo 285.000.000 đồn**g. Đây là số tiền dùng vào việc phạm tội nên buộc bị cáo K1 có nghĩa vụ nộp vào ngân sách số tiền: 900.000.000 đồng – 285.000.000 đồng = 615.000.000 đồng; buộc bà Ái M có nghĩa vụ nộp 285.000.000 đồng (tiền nợ chưa trả cho bị cáo liên quan khoản tiền vay 900.000.000 đồng) vào ngân sách nhà nước số tiền trên.

Ngoài ra, bị cáo K1 còn phải chịu trách nhiệm đối với khoản tiền 250.000.000 đồng K1 đã chuyển cho O để cho Ái M vay: người vay Ái M còn nợ 183.333.333 đồng và liên quan đến số tiền này O khai đã chuyển giao toàn bộ cho Khoản nợ này cho K1, do đó, K1 còn phải chịu trách nhiệm liên quan đến khoản tiền này, cụ thể: bị cáo K1 có nghĩa vụ nộp vào ngân sách số tiền: 250.000.000 đồng –183.333.333 đồng = 66.666.667 đồng; buộc bà Ái M có nghĩa vụ nộp 183.333.333 đồng (tiền nợ chưa trả cho bị cáo liên quan khoản tiền vay 250.000.000 đồng) vào ngân sách nhà nước số tiền trên.

Tổng cộng số tiền bị cáo K1 phải nộp vào ngân sách nhà nước là 615.000.000 đồng + 66.666.667 đồng = 681.666.667 đồng.

Tổng cộng số tiền bà Ái M phải nộp vào ngân sách nhà nước là 468.333.333

- Đối với tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm, là 6.000.000 (Sáu triệu) đồng là tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu đối với bị cáo để sung ngân sách Nhà nước - số tiền này bị cáo đã tự nguyện nộp theo Đơn tự nguyện khắc phục hậu quả ngày 26/02/2024 và bị cáo đã nộp xong số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001414 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình

- Đối với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu cụ thể là số tiền 128.083.333 đồng là khoản lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm, bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho bà Ái M.

[5.3]. Bị cáo Lê Nguyễn Hoàng O:

- Đối với khoản tiền bị cáo dùng để cho vay là số tiền 650.000.000 đồng (trong đó có 250.000.000 đồng do Nguyễn Văn K1 chuyển cho O cho Ái M vay và O đã chuyển khoản nợ gốc này cho K1) như vậy số tiền bị cáo O dùng vào việc cho vay được xác định là 400.000.000 đồng - đây là số tiền dùng vào việc phạm tội nên buộc bị cáo O có nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền bị cáo dùng để cho vay là số tiền 700.000.000 đồng, người vay Ái M đã trả cho bị cáo O toàn bộ số tiền vay. Đây là số tiền dùng vào việc phạm tội nên buộc bị cáo O có nghĩa vụ nộp vào ngân sách số tiền 700.000.000 đồng.

- Đối với tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm, là 1.288.000 (Một triệu hai trăm tám mươi tám nghìn) đồng là tiền phát sinh từ hành vi phạm tội liên quan đến số tiền cho vay 650.000.000 đồng (trong đó có 250.000.000 đồng do Nguyễn Văn K1 chuyển cho O cho Ái M vay và O đã chuyển khoản nợ gốc này cho K1), bị cáo khai đã sử dụng toàn bộ số tiền lãi thu được nên cần tịch thu đối với bị cáo để sung ngân sách Nhà nước; Do đó, bị cáo có nghĩa vụ nộp số tiền 1.288.000 (Một triệu hai trăm tám mươi tám nghìn) đồng vào ngân sách nhà nước.

Tổng cộng số tiền bị cáo O phải nộp vào ngân sách nhà nước là: 400.000.000 đồng + 700.000.000 đồng + 1.288.000 đồng = 1.101.288.000 đồng.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu từ 02 khoản cho vay là 357.600.889 đồng là khoản lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm, bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho bà Ái M.

[5.4]. Bị cáo Trần Thị T:

- Đối với khoản tiền bị cáo dùng để cho vay là số tiền 4.100.000.000 đồng, người vay Ái M đã trả cho bị cáo T toàn bộ số tiền vay. Đây là số tiền dùng vào việc phạm tội nên buộc bị cáo T có nghĩa vụ nộp vào ngân sách số tiền 4.100.000.000 đồng.

- Đối với tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm, là 27.333.333 (Hai mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng là tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu đối với bị cáo để sung ngân sách Nhà nước - số tiền này bị cáo đã tự nguyện nộp theo Đơn tự nguyện khắc phục hậu quả ngày 26/02/2024 và bị cáo đã nộp số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001425 ngày 15/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bị cáo T còn phải nộp bổ sung số tiền 17.333.333 (Mười bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

Tổng cộng số tiền bị cáo T phải nộp vào ngân sách nhà nước là: 4.100.000.000 đồng + 17.333.333 đồng = 4.117.333.333 đồng.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu cụ thể là số tiền 922.218.667 đồng là khoản lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm, bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho bà Ái M.

[6] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 106, Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Phạm Thái M1;

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điều 38, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 106, Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn K1, Lê Nguyễn Hoàng O và Trần Thị T;

1. Tuyên bố: các bị cáo Phạm Thái M1, Nguyễn Văn K1, Lê Nguyễn Hoàng O và Trần Thị T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt:

- PHẠM THÁI MINH: 01 (một) năm tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được cấn trừ vào thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2023 đến ngày 22/01/2024.

Giao bị cáo Phạm Thái M1 cho Ủy ban nhân dân Phường B1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo (khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự).

+ Phạt bổ sung bị cáo: 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

- NGUYỄN VĂN KHOẢN: 01 (một) năm tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được cấn trừ vào thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2023 đến ngày 31/01/2024.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo (khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự).

+ Phạt bổ sung bị cáo: 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng

- LÊ NGUYỄN HOÀNG OANH: 01 (một) năm tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm.

Giao bị cáo Lê Nguyễn Hoàng O cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo (khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự).

+ Phạt bổ sung bị cáo: 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng

- TRẦN THỊ THANH: 01 (một) năm tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được cấn trừ vào thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2023 đến ngày 16/01/2024.

Giao bị cáo Trần Thị T cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo (khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự).

+ Phạt bổ sung bị cáo: 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng

2. Xử lý vật chứng của vụ án – Thi hành theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số **55/BB/2024 ngày 05/02/2024** giữa Công an quận T và Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình – cụ thể:

Tịch thu và sung vào công quỹ Nhà nước đối với:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, số IMEI: 353039092572255 - tình trạng đã qua sử dụng của Phạm Thái M1;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM-1190, số seri 1: 357345087120943 cùng sim số thuê bao 0901638432 – tình trạng đã qua sử dụng của Phạm Thái M1;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, số sêri G6TXP0YKKPH5, – tình trạng đã qua sử dụng của Nguyễn Văn K1.

3. Về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm:

[3.1]. Bị cáo Phạm Thái M1:

- Có nghĩa vụ nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.130.000.000 (Một tỷ một trăm ba mươi triệu) đồng.

- Có nghĩa vụ trả lại cho bà Đoàn Thị Ái M số tiền 381.844.444 (Ba trăm tám mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn) đồng.

[3.2]. Bị cáo Nguyễn Văn K1:

- Có nghĩa vụ nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 681.666.667 (Sáu trăm tám mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

- Có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Ái M2 số tiền 128.083.333 (Một trăm hai mươi tám triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

[3.3]. Bị cáo Lê Nguyễn Hoàng O:

- Có nghĩa vụ nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.101.288.000 (Một tỷ một trăm lẻ một triệu hai trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

- Có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Ái M2 số tiền 357.600.889 (Ba trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng.

[3.4]. Bị cáo Trần Thị T:

- Có nghĩa vụ nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 4.117.333.333 (Bốn tỷ một trăm mười bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

- Có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Ái M2 số tiền 922.218.667 (Chín trăm hai mươi hai triệu hai trăm mười tám nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

[3.5]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ái M2 có nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước số tiền:

- 190.000.000 đồng (liên quan đến khoản vay của Phạm Thái M1)

- 468.333.333 đồng (liên quan đến khoản vay của Nguyễn Văn K1)

Tổng số tiền phải nộp là: 190.000.000 đồng + 468.333.333 đồng = 658.333.333 (Sáu trăm năm mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

[3] Về án phí:

- Bị cáo Phạm Thái M1 phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn K1 phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Nguyễn Hoàng O phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Thị T phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử đã giải thích về chế định án treo.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Thành phốHồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Thành phốHCM;
- Sở Tư pháp Thành phốHồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Lan Ngọc